

# VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG TRONG GIẢNG DẠY MÔN GIÁO DỤC HỌC Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC

ThS. TRẦN THỊ TUA\*

**D**ạy học (DH) hướng vào người học là xu thế DH hiện đại, phù hợp với thực tiễn Việt Nam trong giai đoạn đất nước đang chuyển mình để hội nhập với xu thế phát triển chung của toàn thế giới. Vì thế, việc sử dụng các phương pháp mới, tích cực, sáng tạo trong DH là điều cần thiết, trong đó,  *nghiên cứu tình huống* (NCTH) là một phương pháp có nhiều ưu điểm nổi trội, giúp cho chất lượng dạy và học đạt hiệu quả cao. Việc nghiên cứu, lựa chọn và xây dựng hệ thống các  *tình huống* (TH) giáo dục; xây dựng quy trình hợp lý để đưa chúng vào giảng dạy môn  *Giáo dục học* là một vấn đề thiết thực và có giá trị về mặt khoa học.

## 1. Phương pháp nghiên cứu tình huống (PPNCTH) trong DH

**1) Khái niệm:** Theo Nguyễn Hữu Lam, "*Phương pháp TH là một kĩ thuật giảng dạy trong đó các thành tố chủ yếu của nghiên cứu TH được trình bày với những người học với các mục đích minh họa hoặc các kinh nghiệm giải quyết vấn đề*" (1).

Để thiết kế một TH cần tiến hành theo 3 bước: 1) Xác định mục tiêu bài học và cân nhắc các yếu tố khách quan; 2) Chuẩn bị TH: bước này GV cần lên ý tưởng và viết ra các TH mà mình dự kiến sẽ xảy ra; 3) Kiểm tra, chỉnh sửa... (2).

### 2) Tiến trình thực hiện PPNCTH

\* *Quá trình chuẩn bị:*

- Về phía người dạy: + Đặt ra những yêu cầu với người học; + Mô tả cấu trúc của một buổi học TH và chia nhóm; + Chuẩn bị kiến thức cho người học.

- Về phía người học: Chuẩn bị chu đáo kiến thức theo yêu cầu của giảng viên (GV). Trong thảo luận TH, người học sẽ đưa ra ý kiến, đặt ra những câu hỏi, xây dựng luận chứng, luận cứ trên cơ sở những luận điểm của cá nhân/nhóm, phân tích, tổng hợp các ý kiến tranh luận, tự điều chỉnh hướng thảo luận và học hỏi kinh nghiệm từ những người khác thông qua trao đổi, tranh luận quan điểm.

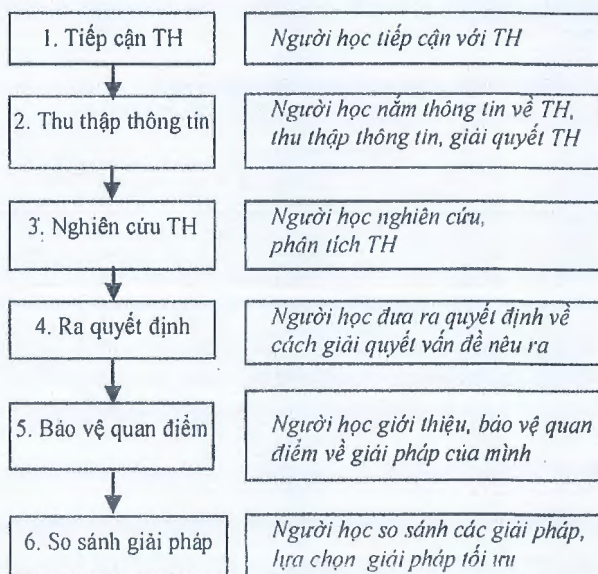
\* *Tiến trình thực hiện một buổi học theo PPNCTH:*

Trong một tiết DH áp dụng PPNCTH, GV đóng vai trò

như người điều phối, dẫn dắt và trợ giúp (*facilitator*), còn sinh viên (SV) giữ vai trò trung tâm.

\* *Đánh giá buổi thảo luận theo PPNCTH:* Quá trình này bao gồm 4 bước: 1) Đọc TH và xác định những vấn đề cốt yếu mà người ra quyết định đương đầu; 2) Xác định những dữ liệu cần để phân tích các vấn đề và tổng hợp thành các giải pháp; 3) Đưa ra phân tích và so sánh những giải pháp khác nhau cần phải đương đầu; 4) Đề xuất phương hướng hành động...

Kaiser cũng đã đưa ra mô hình 6 bước trong việc thực hiện PPNCTH. Đó là mô hình lí tưởng, phù hợp trong dạy học môn  *Giáo dục học* (xem sơ đồ).



## 2. Vận dụng PPNCTH trong giảng dạy môn Giáo dục học

Hãy đánh giá TH bằng cách nêu ra mức độ đồng ý của bạn với những nhận định sau (với thang điểm tương ứng): 3 - Xuất sắc; 2 - Tốt; 1 - Tạm ổn; 0 - Kém (xem bảng trang 37).

## 3. Ưu điểm và hạn chế (thách thức) của PPNCTH

PPNCTH có những *ưu điểm* nổi bật như: - Giúp người học gắn lí thuyết với thực tiễn trong DH, nâng cao

\* Trường Cao đẳng Tuyên Quang

| Tính hiệu quả của TH            |  |
|---------------------------------|--|
| 3                               | TH phục vụ tối cho mục tiêu bài học, thúc đẩy người học nắm vững nội dung bài học sau khi nghiên cứu và thảo luận TH   |
| 2                               | TH có hướng đến mục tiêu bài học, nhưng không đủ sức thúc đẩy người học tự tìm tòi để nắm được nội dung bài học.   |
| 1                               | Chỉ có một vài mục tiêu bài học được hướng tới trong TH  |
| 0                               | TH không phục vụ cho mục tiêu bài học  |
| Tính phù hợp của nội dung TH    |  |
| 3                               | Vấn đề được nêu ra trong TH vừa phù hợp với nội dung bài học, vừa phù hợp với trình độ, khả năng của người học   |
| 2                               | Vấn đề được nêu ra trong TH phù hợp với nội dung bài học nhưng chưa phù hợp với trình độ và khả năng của người học   |
| 1                               | Những vấn đề mà TH nêu ra không phù hợp với nội dung bài học (quá cụ thể hay quá chung chung)  |
| 0                               | TH không nêu ra được vấn đề nào cả   |
| Tính trong tâm của TH           |  |
| 3                               | TH chứa đựng đầy đủ dữ kiện, trong đó bao gồm những chi tiết và (hoặc) ví dụ cụ thể; những dữ kiện trong TH giải thích rõ ràng và liên quan logic với vấn đề nêu ra.   |
| 2                               | TH có nêu ra được vấn đề nhưng chưa thật sự hoàn chỉnh. Những dữ kiện trong TH giúp người học xác định rõ hơn vấn đề của TH, nhưng một số dữ kiện cần thiết còn bị thiếu   |
| 1                               | Những dữ kiện trong TH không được liên hệ rõ ràng với vấn đề mà TH nêu ra khiến người học cảm thấy có nhiều chi tiết không cần thiết.  |
| 0                               | Vấn đề mà TH nêu ra trừu tượng, không rõ ràng. Người học không thấy được mối liên hệ giữa dữ kiện và vấn đề mà TH nêu ra   |
| Tính trung thực của bối cảnh TH |  |
| 3                               | Bối cảnh của TH phản ánh những TH có thật, và những hoạt động trên nền bối cảnh ấy mô phỏng lại được những hoạt động thực của những nhà chuyên môn trong lĩnh vực mà người học đang nghiên cứu.                      |
| 2                               | Một số yếu tố trong bối cảnh còn thiếu tính chính xác và sinh động. Tuy nhiên, bối cảnh TH nhìn chung vẫn chứa đựng những yếu tố thực giúp cho người học có thể xử lý được vấn đề một cách hiệu quả.                 |
| 1                               | Bối cảnh TH có vẻ như chân thực, nhưng lại không giúp cho người học có thể học tập và thu nhận kiến thức và kĩ năng  |
| 0                               | Bối cảnh TH không mang tính chân thực  |
| Tính chặt chẽ của TH            |  |
| 3                               | Những chi tiết trong TH được sắp xếp theo trật tự logic, mạch lạc và thường được xếp theo trật tự thời gian  |
| 2                               | Có đôi chỗ các chi tiết trong TH bị sắp xếp chưa thật hợp lí   |
| 1                               | Các chi tiết trong TH không được sắp xếp một cách logic. Không thể xác định được mối quan hệ giữa chúng  |
| 0                               | Các chi tiết sắp xếp lộn xộn. Mối liên hệ giữa các chi tiết không rõ ràng  |
| Sự rành mạch của TH             |  |
| 3                               | TH dễ hiểu. Các chi tiết được sắp xếp hợp lí và ngôn ngữ đơn giản. Những thuật ngữ chuyên môn được sử dụng một cách hạn chế, hoặc nếu có dùng thì ý nghĩa của chúng cũng trình bày rõ ràng hoặc có thể suy đoán được |
| 2                               | TH hơi khó hiểu. Không phải tất cả mọi chi tiết đều trình bày rõ ràng và bằng ngôn ngữ đơn giản  |
| 1                               | Có nhiều chỗ khó tối nghĩa trong TH. Hầu hết các chi tiết được làm phức tạp hoá một cách không cần thiết.  |
| 0                               | Có quá nhiều thuật ngữ chuyên môn. Ngôn từ không đơn giản  |

Nguồn: Penn State Schreyer Institute for Teaching Excellence, 2004, Case Evaluation Rubric.

tính thực tiễn của môn học, giảm thiểu rủi ro của người học khi tham gia thực tiễn cuộc sống, thực tiễn nghề nghiệp. Sau khi tiếp thu các kiến thức lí thuyết, việc giải quyết các bài tập TH sẽ giúp người học có cái nhìn sâu hơn và thực tiễn hơn về vấn đề lí thuyết đã được học. Thông qua việc giải quyết TH, người học sẽ có điều kiện để vận dụng linh hoạt các kiến thức lí thuyết; -PPNCTH góp phần nâng cao tính tích cực, chủ động, sáng tạo và hứng thú học tập của người học. Trong DH theo TH các nhóm SV phải chủ động tìm kiếm và phân tích thông tin để tìm các giải pháp có thể tạo ra TH. Để đáp ứng được yêu cầu này, người học phải chủ động tư duy, thảo luận/tranh luận trong nhóm để tìm hiểu sâu

thêm về lí thuyết cũng như thực tiễn và tìm ra giải pháp cho các TH. Chính trong quá trình suy nghĩ, tranh luận, bảo vệ các giải pháp, người học đã tham gia vào quá trình nhận thức. Sự tham gia tích cực đó đã góp phần tạo ra hứng thú và niềm say mê học tập, sáng tạo của SV; -PPNCTH giúp SV nâng cao kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kĩ năng trình bày, bảo vệ và tranh luận, phản biện ý kiến trước tập thể. Để giải quyết TH, SV thường phải làm việc theo nhóm. Cả nhóm cùng phân tích và thảo luận để đi đến giải pháp, sau đó trình bày giải pháp của mình cho cả lớp. Với cách học như vậy, người học học được cách chia sẻ kiến thức, thông tin để cùng đạt được mục tiêu chung. Thêm nữa, người học cũng học được cách tôn trọng và lắng nghe ý kiến của người khác trong quá trình làm việc nhóm hay tranh luận về các giải pháp; - Trong PPNCTH, GV cũng có điều kiện trao đổi, học hỏi những kinh nghiệm và cách nhìn, giải pháp mới từ phía người học, thông qua đó góp phần làm phong phú hơn nội dung giảng dạy cũng như hoàn thiện các THDH; - THDH trong PPNCTH thường là những TH mang tính phức hợp, để giải quyết nó, người học cần vận dụng tổng hợp kiến thức của nhiều phần khác nhau trong một môn học, thậm chí kiến thức của nhiều môn học. Nhờ vậy, PPNCTH góp phần giúp người học biết cách liên kết, xâu chuỗi các phần nội dung đơn lẻ thành một bức tranh tổng thể về kiến thức. Đây là một yêu cầu rất quan trọng, vì SV trong quá trình học thường chỉ chú ý đến những bộ phận kiến thức đơn lẻ mà ít khi có ý thức hay biết cách xâu chuỗi, tạo ra các mối liên kết các kiến thức thành phần trong phạm vi một môn học hay từ nhiều môn học khác nhau, trong khi đó việc giải quyết các vấn đề của cuộc sống thực tiễn cũng như nghề nghiệp phần lớn đều đòi hỏi phải vận dụng các kiến thức tổng hợp, liên ngành.

Ngoài những ưu điểm đã phân tích, phương pháp này cũng bộc lộ những hạn chế nhất định (Herreid, 1994) như: đôi khi làm người học đơn giản hoá tính phức tạp của các sự kiện, số liệu và nguyên tắc; - Đòi hỏi cả người học và người dạy phải có những kĩ năng nhất định; - Việc ngại áp dụng những phương pháp mới thay thế cho những phương pháp giảng bài truyền thống cũng là một cản trở đối với việc phát triển loại hình bài tập này.

Ngoài những hạn chế trên, quá trình thực hiện PPNCTH cũng gặp phải những khó khăn, thách thức nhất định, cả chủ quan (GV và SV) lẫn khách quan (môi trường, điều kiện vật chất): - PPNCTH làm gia tăng không những khối lượng làm việc của GV mà còn đòi hỏi GV phải luôn chấp nhận đổi mới, cập nhật

các thông tin, kiến thức và kĩ năng mới. Để có những bài tập TH thực tế, sát với điều kiện, hoàn cảnh mới của xã hội, GV phải đầu tư thời gian và trí tuệ để tiếp cận thực tiễn, trên cơ sở đó có thể thu thập hay xây dựng được các THDH mới, mang tính thời sự;

- PPNCTH đòi hỏi thực hiện những kĩ năng khá phức tạp trong giảng dạy, như cách tổ chức lớp học, bố trí thời lượng, đặt câu hỏi, tổ chức và khuyến khích người học tranh luận, dẫn dắt mạch thảo luận, nhận xét, phản biện. Đây thật sự là những thách thức lớn đối với GV trong quá trình ứng dụng phương pháp này; - Đối với người học, thách thức lớn nhất là PPNCTH đòi hỏi ở họ sự năng động, sáng tạo, khả năng tư duy độc lập, bởi thế có một bộ phận không nhỏ người học sẽ có những lúng túng nhất định khi được học theo phương pháp này (do sức ỳ của thói quen học theo phương pháp thụ động, thầy giảng - trò nghe, thầy đọc - trò chép); - PPNCTH nếu sử dụng quá liều sẽ làm giảm hiệu quả việc tiếp thu các tri thức lí thuyết và làm người học nhiều khi lầm tưởng rằng thực tế luôn luôn diễn ra đúng như những TH cụ thể đã được học; - Môi trường, điều kiện vật chất. Đây là những thách thức khách quan, bao gồm các yếu tố về điều kiện trang thiết bị vật chất, quy mô lớp học, sự hợp tác của các tổ chức xã hội trong quá trình cung cấp thông tin. Quy mô lớp học đông người không thể đảm bảo tổ chức thảo luận một cách hiệu quả. Để buổi thảo luận có chất lượng, người học phải tự trang bị các kiến thức lí thuyết và thông tin liên quan trước khi lên lớp. Điều này đòi hỏi có thời gian và các phương tiện học tập như: thư viện, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, báo, tạp chí, Internet... Hiện nay có tình trạng sinh viên phải học quá nhiều môn học trong một học kì nên không có đủ thời gian cần thiết cho việc tự nghiên cứu. Sách giáo khoa và tài liệu tham khảo cũng hết sức thiếu thốn; - Đầu tư của GV cho việc sử dụng PPNCTH rất lớn nhưng hiện nay không có sự đãi ngộ hay công nhận nào từ phía các nhà quản lí giáo dục nên rất nhiều GV vẫn quay về phương pháp giảng dạy truyền thống.

\*\*\*

Thuộc về nhóm các PPDH tích cực, PPNCTH đã chứng tỏ tính ưu việt vượt trội trong việc nhấn mạnh nhân vật trung tâm của quá trình DH, làm tăng hứng thú học tập của người học, cũng như nâng cao tính thực tiễn của môn học, rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo nhà trường và nhu cầu thực tiễn xã hội, thực tiễn nghề nghiệp. Có thể nói, PPNCTH góp phần không nhỏ vào việc khai thác tiềm năng trí tuệ của người học, phát huy tối đa tính tích cực và sáng tạo của con người trong học tập.

Tuy nhiên, GV phải ý thức được những ưu, nhược điểm của phương pháp này để biết cách áp dụng một cách khoa học, hợp lí; mặt khác cũng cần phối hợp đồng bộ PPDH này với các PPDH khác sao cho phù hợp với nội dung, mục đích bài dạy, với trình độ SV và các điều kiện hiện có... Khi ấy, quá trình DH mới đạt đến mục tiêu và chất lượng thực sự. Việc sử dụng PPNCTH nếu không khéo léo sẽ dễ làm mất đi tính hệ thống của kiến thức chuyên môn. □

(1) **Từ điển Tâm lí học.** NXB Khoa học xã hội, H. 2000.

(2) Waterman, M - Stanley. E. Case - based learning. <http://cstl-csm.semo.edu/waterman/cbl/casefomats.html>.

#### Tài liệu tham khảo

1. Đặng Quốc Bảo. *Vận dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu vào công tác huấn luyện tại trường cán bộ quản lí và đào tạo.* Trường cán bộ quản lí giáo dục, H. 2002.
2. Boehrer, J., & Linsky, M. **Teaching with Cases: Learning to Question.** In M. D. Svinicki (ed.), *The Changing Face of College Teaching.* New Directions for Teaching and Learning, N<sup>o</sup>. 42. San Francisco: Jossey-Bass, 1990.
3. Boehrer, J. **How to teach a case.** *Kennedy School of Government Case Programme*, 1995, Case No C18-95-1285.0 available from <http://www.ksgcase.harvard.edu>
4. Christensen, C. **Teaching by the Case Method.** Cambridge, Massachusetts: Harvard Business School, 1981.
5. Christensen, C. R. Hansen. **A. J. Teaching and the Case Method.** Boston: Harvard Business School, 1987.
6. Garvin, D.A. **Making the Case: Professional education for the world of practice.** *Harvard Magazine* (October, 2003). Retrieved 25 March, 2010 from <http://harvardmagazine.com/2003/09/making-the-case-html>

#### SUMMARY

*Innovative teaching methods is an urgent problem is the attention, interest of the whole society. To meet the above requirements, the case study method (PPNCTH) (case study) - a teaching approach is being widely used in universities worldwide and was initially applied to Vietnam but also in modest and lackluster.*

*To enhance the teaching PPNCTH applied, firstly each teacher needs to understand the nature and significance of the method, the advantages and disadvantages of the method, the difficulties and facilitate the implementation of the method ...; then the teacher will select teaching methods to suit the current trend of teaching.*